

Số: 1273 /LSXD-TC

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 3/2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Công văn số 4354/UBND-TC ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Chương trình công tác lĩnh vực tài chính giá cả;

Căn cứ Quy trình phối hợp ban hành công bố giá VLXD số 1840/LSXD-TC ngày 24/8/2018 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính Thừa Thiên Huế;

Xét tình hình diễn biến giá vật liệu xây dựng trên thị trường khu vực Thừa Thiên Huế.

1. Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3/2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*phụ lục kèm theo Công bố này*) có giá trị tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Mức giá Công bố là mức giá tối đa, bán trên phương tiện bên mua tại các đại lý, quầy hàng, kho hàng... thuộc thị trường Thừa Thiên Huế (*trừ một số loại được bán tại chân công trình*) chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT và được đăng tải trên Website của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ <https://sxd.thuathienhue.gov.vn>; Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Giá công bố các loại vật liệu chủ yếu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo định kỳ và các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Bảng giá vật liệu kèm theo Công bố này là các vật liệu bình quân phổ biến, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. Trường hợp giá vật liệu trong công bố giá chưa phù hợp với giá thực tế thì Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, xác định nguồn cung cấp, giá bán buôn, cự ly vận chuyển, loại đường tại thời điểm lập dự toán một cách hợp lý nhất để xác định giá vật liệu đến chân hiện trường theo quy định.

4. Chủ đầu tư và các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng cụ thể, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua bán để xác định giá vật liệu cho công trình và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của việc xác định giá vật liệu này.

5. Các chủ đầu tư và các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải căn cứ vào yêu cầu của thiết kế, quy định về chất lượng công trình xây dựng, nhu cầu về khối lượng và quy định về chi phí đầu tư xây dựng để lựa chọn phương án mua và sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

6. Giá công bố này là giá bán cho một đơn vị (m^2 , m^3 , cái, bộ...), đối với giá trị mua hàng lớn thì chủ đầu tư và các đơn vị liên quan cần xác định chính xác khối lượng và tham khảo giá thị trường để được giảm giá đảm bảo phù hợp với thực tế và tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

8. Đối với giá đất san lấp: Thực hiện tổng hợp công bố giá trên cơ sở Công văn số 79/STC-QLG&TCĐĐ ngày 11/01/2023; Công văn số 1078/STC-QLG&TCĐĐ ngày 05/4/2023; Công văn số 1182/STC-QLG&TCĐĐ ngày 14/4/2023 của Sở Tài chính về việc phối hợp ban hành công bố giá VLXD; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn sự phù hợp theo vị trí công trình, đảm bảo giá đất tại công trình thống nhất và hiệu quả nhất.

9. Các đơn vị sản xuất, phân phối; các nhà cung cấp vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng, giá của các loại vật liệu đăng ký công bố giá.

10. Công bố này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

(Công bố này thay thế Công bố giá VLXD tháng 3/2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công văn số 1151/LSXD-TC ngày 10/4/2023 của Liên sở Xây dựng- Tài chính).

KT. GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Huỳnh Minh Khang

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Bá Mẫn

6 CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC				
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ (bảo hành 2-5 năm)				
784	Đèn Led EPSILON DALI L620xW340xH110mm, 100W	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 With AMD1:2017) và TCVN 7722-2-3- 2007 (IEC 60598-2- 3-2002), ISO 9001:2015	Cái	3.286.000
785	Đèn Led IOTA L615xW380xH140mm, 100W		Cái	3.223.000
786	Đèn Led IOTA L615xW380xH140mm, 100W, DIM 3-5 cấp công suất		Cái	3.608.100
787	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 120W		Cái	3.774.000
788	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 150W		Cái	4.135.000
789	Đèn Led IOTA L753xW366xH186mm, 150W, DIM 3-5 cấp công suất		Cái	4.721.000
790	Đèn Led IOTA L650xW380xH140mm, 180W, DIM 3-5 cấp công suất		Cái	3.982.000
791	Đèn pha LED MB02 L415xW310xH85 200w		Cái	2.297.000
792	Đèn pha LED MB02 L520xW340xH90 300w		Cái	3.795.000
793	Đèn pha LED MB02 L620xW350xH90 400w		Cái	4.155.000
794	Đèn pha LED MB02 L760xW320xH230 500w		Cái	5.995.000
795	Đèn pha LED MB02 L970xW360xH100 600w		Cái	7.952.000
796	Đèn pha LED MB02 1000w		Cái	14.167.000
CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG LIÊN CÁN ĐƠN (vươn 1,2-1,5m, mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, bảo hành 1 năm)				
797	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	TCCS 01:2018/CSMB, ISO 9001:2015	Cái	2.900.000
798	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300		Cái	3.094.000
799	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400		Cái	3.300.000
800	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400		Cái	3.895.000
801	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300		Cái	3.950.000
802	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 400x400		Cái	4.050.000
803	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400		Cái	4.250.000
804	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, bích đế 400x400		Cái	4.134.000
805	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300		Cái	4.788.000
806	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 400x400		Cái	4.988.000

Công ty TNHH
Thiết bị điện và
chiếu sáng Miền

807	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	5.213.000
808	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	4.940.000
809	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	5.540.000
810	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	5.860.000
811	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	5.933.000
812	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	6.195.000
813	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	7.996.000
CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG RỜI CÀN - D78 (mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, bảo hành 1 năm)			
814	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	2.768.000
815	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	2.990.000
816	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	3.190.000
817	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	3.490.000
818	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	3.700.000
819	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	4.200.000
820	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	4.500.000
821	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	4.700.000
822	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	5.100.000
823	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	5.400.000
824	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	5.600.000
825	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	5.900.000
826	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	6.300.000
827	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	6.900.000
828	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	7.100.000
829	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	7.400.000
830	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	8.879.000

TCCS
01:2018/CSMB,
ISO 9001:2015

Bắc; giá bán
trên địa bàn tỉnh
Thừa Thiên Huế